



# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA TÂN TIẾN**



Tháng 03/2011

## **I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN**

### **• Năm 1966**

Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến được thành lập với tên gọi ban đầu là Việt Nam Nhựa dẻo Công ty (Simiplast).

Sau giải phóng năm 1975, Công ty được Nhà nước tiếp quản và đổi tên thành Nhà máy Nhựa Tân Tiến theo Quyết định số 45/CNn/TCQL ngày 13/01/1977 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nhẹ (nay là Bộ Công nghiệp).

Ngày 07/5/1993, Doanh nghiệp nhà nước Nhà máy Nhựa Tân Tiến chính thức được thành lập lại theo Quyết định số 451/CNn/TCLD của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nhẹ.

Ngày 29/4/1994 được đổi tên thành Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến theo Quyết định số 449/QĐ-TCLD của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nhẹ.

### **• Năm 2003**

Đầu năm 2003, Công ty đưa vào hoạt động một nhà máy sản xuất mới tại Khu Công nghiệp Tân Bình với tổng diện tích là 50.000 m<sup>2</sup>

### **• Năm 2004**

Thực hiện Quyết định số 624/QĐ-TCCB ngày 23/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hoá Công ty bao bì nhựa Tân Tiến, ngày 28/12/2004 Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần với tên gọi chính thức là Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến.

Ngày 27/11/2004, Công ty đã tổ chức Đại hội cổ đông thành lập và bầu ra Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty



• **Năm 2006**

Ngày 09/11/2006, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyết định số 70/UBCK-GPNY về việc cấp giấy phép niêm yết cổ phiếu Công ty cổ nhựa bao bì nhựa Tân Tiến trên Trung tâm GDCK Thành phố Hồ Chí Minh. Số lượng cổ phiếu niêm yết là: 10.655.000 cổ phiếu với tổng giá trị là 106.550.000.000 đồng (Mệnh giá: 10.000 đồng/01 cổ phiếu).

Ngày 24/11/2006, Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận số 46/2006/GCNCP/CNTTLK chứng nhận Cổ phiếu Công ty cổ phần bao bì nhựa Tân Tiến đã đăng ký lưu ký chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 05/12/2006 (Mã chứng khoán: TTP).



• **Năm 2007**

Trong năm 2007, Công ty chính thức đưa vào hoạt động dự án mở rộng nhà xưởng tại Nhà máy bao bì số 2 (Khu công nghiệp Tân Bình)

Ngày 14/09/2007 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có quyết định số 172/UBCK-ĐKPH về việc chấp thuận cho Công ty cổ nhựa bao bì nhựa Tân Tiến phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ công ty từ 106.550.000.000 đồng lên 150.000.000.000 đồng.

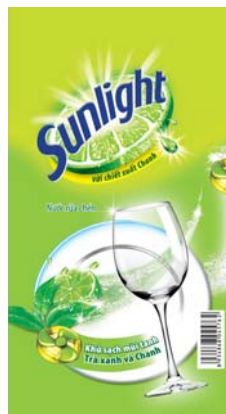
## II. SẢN PHẨM

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu hiện tại của Công ty cổ phần bao bì nhựa Tân Tiến là sản xuất bao bì mềm phức hợp cao cấp, Công ty liên tục trang bị thêm nhiều thiết bị hiện đại theo công nghệ tiên tiến để sản xuất ra những sản phẩm bao bì màng ghép cao cấp, màng phức hợp, túi phức hợp các loại đáp ứng nhu cầu càng cao của khách hàng.

Sản phẩm chủ yếu của Công ty cổ phần bao bì nhựa Tân Tiến là các mặt hàng bao bì nhựa phức hợp, trong đó bao bì thực phẩm và hàng tiêu dùng chiếm khoảng 80% sản lượng. Các sản phẩm bao bì của Công ty hiện nay được chia thành các nhóm sản phẩm như: Bánh kẹo, bột ngọt, bột giặt, mỹ phẩm, hàng đông lạnh, mì ăn liền, thực phẩm chế biến, thuốc trừ sâu ... , bên cạnh đó, Công ty còn tham gia hoạt động gia công chế bản trực in cho khách hàng.

Đặc biệt Công ty hiện đang là đơn vị tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ sản xuất bao bì chống hàng giả.

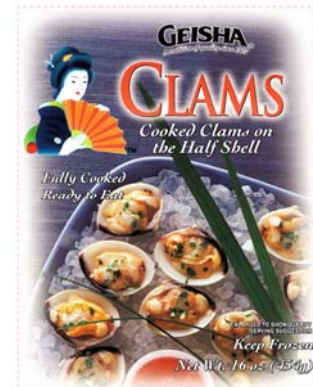
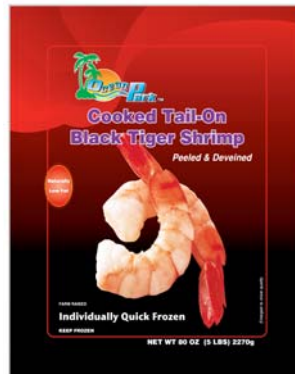
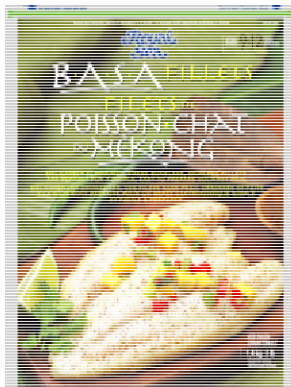
### Bao bì chất tẩy rửa



### Bao bì thực phẩm



### Bao bì thủy sản



### III. HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Tháng 12/2002, Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến đạt chứng nhận ISO 9002: 1994

Tháng 06/2003, Công ty bao bì nhựa Tân Tiến đạt chứng nhận ISO 9001:2000

Ngày 16/09/2009, Công ty cổ phần bao bì nhựa Tân Tiến đã chính thức được tổ chức TÜV Rheinland (CHLB Đức) cấp chứng chỉ ISO 14001:2004

Tháng 12/2010, Công ty cổ phần bao bì nhựa Tân Tiến đã chính thức được tổ chức BSI Việt Nam cấp hệ thống tiêu chuẩn Trách nhiệm xã hội (SA 8000) và tiêu chuẩn An toàn sức khỏe nghề nghiệp (OHSAS 18000)



#### **IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN**

Trong những năm tới Công ty sẽ duy trì mức độ tăng trưởng, giữ vững vị thế của Công ty trong lĩnh vực sản xuất bao bì mềm phức hợp trong đó định hướng phát triển theo hướng tự động hóa trong hoạt động sản xuất. Triển khai chương trình thực hiện sản xuất hàng xuất khẩu nhằm khai thác thị trường mới và nhằm tăng cao doanh thu và lợi nhuận.

#### **V. NHÃN HIỆU THƯƠNG MẠI**

Nhãn hiệu đăng ký:

**Tapack**

Logo:



Nhãn hiệu hàng hóa Công ty Cổ phần bao bì nhựa Tân Tiến sử dụng là nhãn hiệu đã được đăng ký và bảo hộ tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Nhãn hiệu Hàng hóa số 30567 do Cục Sở hữu Công nghiệp cấp ngày 30/03/1999 theo Quyết định số 1370/QĐNH. Giấy Chứng nhận Đăng ký Nhãn hiệu Hàng hóa này cũng đã được Cục Sở hữu Trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ đồng ý gia hạn, sửa đổi theo quyết định số A4808/QĐ-ĐK ngày 16/05/2005.

Mô tả về logo: Trên logo có chữ **TAPACK** màu đỏ là viết tắt của chữ **TanTien** Plastic **Packing** Co. Biểu tượng trên logo là cách điệu công nghệ sản xuất của Công ty: như từ nhiều lớp màng ghép thành 01 lớp màng (công nghệ ghép màng), chữ “Since1966” màu đen ở phía dưới thể hiện Công ty được thành lập từ năm 1966.

- Trụ sở chính : 117/2 Lũy Bán Bích – Phường Tân Thới Hoà – Quận Tân Phú – Tp. HCM.
- Điện thoại : (84-08) 39 612 279
- Fax : (84-08) 39 612 641
- Website : [www.tapack.com.vn](http://www.tapack.com.vn)
- Email : [tantien@hcm.fpt.vn](mailto:tantien@hcm.fpt.vn)
- Giấy CNĐKKD : Số 4103002999 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh Cấp lần đầu ngày 28/12/2004, thay đổi lần thứ 05 ngày 25/11/2010.

## **VI. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Năm 2010 là một năm đáng nhớ đối với nền kinh tế Việt Nam. Mặc dù tình hình kinh tế thế giới và trong nước có những diễn biến phức tạp, nội lực còn chưa mạnh song kinh tế Việt Nam đã đạt được những kết quả tích cực trên nhiều lĩnh vực; đạt tốc độ tăng trưởng 6,78%, cao hơn kỳ vọng (kế hoạch là 6,5%), và đây cũng là năm đầu tiên Việt Nam đạt giá trị tổng sản phẩm quốc nội trên 100 tỷ USD. Tuy nhiên, bên cạnh những thành công, kinh tế Việt Nam năm 2010 về vĩ mô chưa thật sự ổn định, vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro, lạm phát tái lập mức 02 chữ số (11,75%), lãi suất huy động của các ngân hàng tăng cao đẩy lãi suất cho vay đến mức gần 20%/năm, giá vàng, tỷ giá ngoại tệ diễn biến phức tạp, bội chi ngân sách, thâm hụt thương mại cao...

Với Công ty, năm 2010 thực sự là một năm sôi động, nhiều sự kiện và nhiều thành quả đáng tự hào. Đến hết quý 3 năm 2010, Công ty chỉ mới đạt được 74% chỉ tiêu về doanh thu, 75% chỉ tiêu về lợi nhuận. Đứng trước tình hình đó Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đã chủ động đề ra những đưa ra những quyết sách phát triển hợp lý như: khai thác tốt thị trường, tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm phi hao trong sản xuất... Trong quý 4 năm 2010, Công ty liên tục lập ra các kỷ lục về doanh thu hàng tháng, doanh thu tháng 11/2010 đã đạt được con số 140 tỷ (đây là doanh thu trong tháng cao nhất từ ngày thành lập Công ty). Chính những đột phá trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty cổ phần bao bì nhựa Tân Tiến đã hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra năm 2010: sản lượng sản xuất tăng 114% so với năm 2009, Doanh thu đạt 1.334 tỷ đạt 106,7% so với kế hoạch và tăng 27,78% so với năm 2009, lợi nhuận trước thuế đạt 98,95 tỷ đạt 116,4% so với kế hoạch đề ra.

Ngoài ra, mang trên mình sứ mạng là “Cung cấp những sản phẩm bao bì có chất lượng cao, thân thiện với môi trường và có uy tín trong nước và khu vực” và từng bước trở thành doanh nghiệp tiên phong trong việc sản xuất những sản phẩm hướng tới lợi ích của cộng đồng và môi trường. Bên cạnh duy trì các chứng nhận hệ thống quản lý môi trường ISO14001:2004, hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 Công ty đã chính thức được tổ chức BSI Việt Nam đánh giá và chứng nhận đầy đủ điều kiện để nhận chứng chỉ về hệ thống tiêu chuẩn Trách nhiệm xã hội (SA 8000) và tiêu chuẩn An toàn sức khỏe nghề nghiệp (OHSAS) trong tháng 12/2010. Việc thiết lập và áp dụng chứng chỉ về hệ thống tiêu chuẩn Trách nhiệm xã hội (SA 8000) và tiêu chuẩn An toàn sức khỏe nghề nghiệp (OHSAS) sẽ giúp cho Tân Tiến thực hiện tốt hơn nữa những cam kết của mình với khách hàng, cộng đồng và nhất là đối với người lao động.

Song song bên cạnh đó, với những nỗ lực của mình Công ty cổ phần bao bì nhựa Tân Tiến đã vinh dự là 1 trong 4 nhà cung cấp nhận được giấy chứng nhận nhà cung cấp vàng “**GOLD SUPPLIER**” lần thứ 2 do Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam trao tặng. Đây là một thành tích to lớn mà Công ty đã đạt được, đặc biệt hơn khi trong

số các nhà cung cấp được nhận danh hiệu “**GOLD SUPPLIER**” thì chỉ duy nhất Tân Tiến là Công ty chuyên về sản xuất bao bì mềm.



## **VII. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Bao Bì Nhựa Tân Tiến (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### **1. Khái quát**

Công ty Cổ Phần Bao Bì Nhựa Tân Tiến là Doanh nghiệp Nhà nước được chuyển thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 90/2004/QĐ-BCN ngày 13 tháng 09 năm 2004 của Bộ Trưởng Bộ Công Nghiệp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 12 năm 2004, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 25 tháng 11 năm 2010.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Sản xuất và mua bán sản phẩm bao bì; Mua bán vật tư, nguyên liệu, thiết bị phụ tùng, khuôn in ống đồng phục vụ sản xuất; kinh doanh bất động sản.

Trụ sở của công ty đặt tại: 117/2 Luỹ Bán Bích - P.Tân Thới Hoà - Q.Tân Phú - Tp.HCM.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 là: 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn).

### **2. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kết toán lập báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### **3. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) thực hiện công tác kiểm toán cho Công ty trong năm tài chính 2010.

### **4. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các hành vi khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

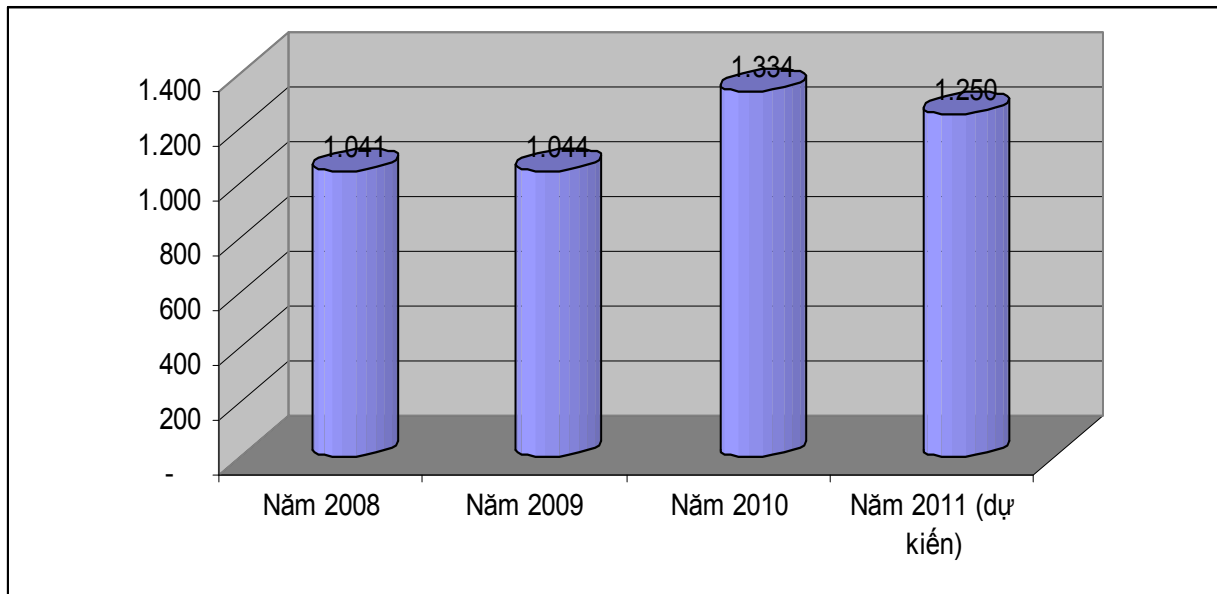
## 5. Một số chỉ tiêu tài chính

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán:
  - Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu thuần : 7,41%
  - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần : 6,40%
  - Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/tổng tài sản : 15,10%
  - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản : 13,03%
  - Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn điều lệ : 65,97%
  - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ : 56,92%
  - Khả năng thanh toán hiện hành : 3,36 lần
  - Khả năng thanh toán nhanh : 2,03 lần
- Tổng số cổ phiếu: 14.999.998 cổ phiếu thường, không cổ phiếu ưu đãi.
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 14.999.998 cổ phiếu
- Công ty không có cổ phiếu quỹ.
- Cổ tức chi trả năm 2010 với tỷ lệ 20% trên vốn điều lệ.

## 6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

| <i>Stt</i> | <i>Chỉ tiêu</i>      | <i>ĐVT</i>   | <i>Kế hoạch năm 2010</i> | <i>Thực hiện năm 2010</i> | <i>Thực hiện năm 2009</i> | <i>Số với KH 2010 (%)</i> |
|------------|----------------------|--------------|--------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|
| 1.         | Doanh thu            | <i>Tỷ</i>    | 1.250                    | 1.334                     | 1.044                     | 106,72%                   |
| 2.         | Lợi nhuận trước thuế | <i>Tỷ</i>    | 85                       | 98,95                     | 97,29                     | 116,41%                   |
| 3.         | Cổ tức               | <i>%</i>     | 20                       | 20                        | 20                        | 100%                      |
| 4.         | Lao động bình quân   | <i>Người</i> | 1050                     | 1.045                     | 1.037                     | 99,52%                    |
| 5.         | Thu nhập bình quân   | <i>Tr/th</i> | 6,7                      | 6,7                       | 5,5                       | 100%                      |

**7. Tốc độ tăng trưởng doanh thu 03 năm 2008, 2009, 2010 và dự kiến năm 2011**



**8. Kế hoạch phát triển năm 2011**

| <i><b>Stt</b></i> | <i><b>Chỉ tiêu</b></i> | <i><b>ĐVT</b></i>      | <i><b>Kế hoạch năm 2011</b></i> |
|-------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------|
| 1.                | Tổng doanh thu         | <i><b>Tỷ</b></i>       | <i><b>1.250</b></i>             |
| 2.                | Lợi nhuận trước thuế   | <i><b>Tỷ</b></i>       | <i><b>80</b></i>                |
| 3.                | Cổ tức                 | <i><b>%</b></i>        | <i><b>20</b></i>                |
| 4.                | Lao động bình quân     | <i><b>Người</b></i>    | <i><b>1.000</b></i>             |
| 5.                | Thu nhập bình quân     | <i><b>Triệu/th</b></i> | <i><b>8,2</b></i>               |

**9. Bản giải trình báo cáo tài chính đã kiểm toán:**

Số: 49/BCKT/TC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

*Về Báo cáo Tài chính năm 2010 của Công ty Cổ phần Bao Bì Nhựa Tân Tiến*

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bao Bì Nhựa Tân Tiến**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bao Bì Nhựa Tân Tiến được lập ngày 15 tháng 01 năm 2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

***Cơ sở ý kiến***

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

***Ý kiến của kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bao Bì Nhựa Tân Tiến tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính**

**Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

**Giám đốc**

**Nguyễn Thị Lan**

Chứng chỉ KTV số: 0167/KTV

**Kiểm toán viên**

**Nguyễn Minh Tiến**

Chứng chỉ KTV số: 0547/KTV

**10. Báo cáo tài chính năm 2010:**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu                                                | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                  | Năm trước                |
|---------------------------------------------------------|-----------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>        | <b>01</b> | VI.1        | <b>1.342.644.535.990</b> | <b>1.052.515.111.907</b> |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                         | 02        | VI.2        | 8.129.790.175            | 7.944.296.934            |
| <b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>  | <b>10</b> | VI.3        | <b>1.334.514.745.815</b> | <b>1.044.570.814.973</b> |
| <b>4. Giá vốn hàng bán</b>                              | <b>11</b> | VI.4        | <b>1.203.023.780.535</b> | <b>926.105.760.186</b>   |
| <b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> | <b>20</b> |             | <b>131.490.965.280</b>   | <b>118.465.054.787</b>   |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                        | 21        | VI.5        | 11.635.476.260           | 12.559.747.446           |
| 7. Chi phí tài chính                                    | 22        | VI.6        | 4.730.674.208            | 1.221.734.061            |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>                        | 23        |             | <i>191.470.004</i>       | <i>174.965.462</i>       |
| 8. Chi phí bán hàng                                     | 24        |             | 17.444.270.452           | 13.711.531.354           |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                         | 25        |             | 22.714.843.327           | 20.877.228.685           |
| <b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>      | <b>30</b> |             | <b>98.236.653.553</b>    | <b>95.214.308.133</b>    |
| 11. Thu nhập khác                                       | 31        |             | 746.132.405              | 4.804.697.186            |
| 12. Chi phí khác                                        | 32        |             | 29.601.008               | 2.721.409.536            |
| <b>13. Lợi nhuận khác</b>                               | <b>40</b> |             | <b>716.531.397</b>       | <b>2.083.287.650</b>     |
| <b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>            | <b>50</b> |             | <b>98.953.184.950</b>    | <b>97.297.595.783</b>    |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành        | 51        | VI.7        | 13.572.419.652           | 13.391.106.002           |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại         | 52        |             | -                        | -                        |
| <b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>     | <b>60</b> |             | <b>85.380.765.298</b>    | <b>83.906.489.782</b>    |
| <b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                     | <b>70</b> | VI.8        | <b>5.692</b>             | <b>5.594</b>             |

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN                                        | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2010             | 01/01/2010             |
|------------------------------------------------|-------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A . TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                    | 100   |             | <b>522.576.226.199</b> | <b>411.643.224.780</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>   | 110   | V.1         | <b>45.985.468.074</b>  | <b>142.577.162.278</b> |
| 1. Tiền                                        | 111   |             | 16.985.468.074         | 51.077.162.278         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                  | 112   |             | 29.000.000.000         | 91.500.000.000         |
| <b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b> | 120   | V.2         | <b>20.000</b>          | <b>2.431.533.600</b>   |
| 1. Đầu tư ngắn hạn                             | 121   |             | 20.000                 | 2.432.206.915          |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn           | 129   |             | -                      | (673.315)              |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>        | 130   |             | <b>269.298.442.014</b> | <b>195.085.012.982</b> |
| 1. Phải thu khách hàng                         | 131   |             | 214.474.233.213        | 168.127.479.920        |
| 2. Trả trước cho người bán                     | 132   |             | 47.388.177.129         | 27.950.820.766         |
| 3. Các khoản phải thu khác                     | 135   | V.3         | 8.505.348.183          | 121.243.805            |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi          | 139   |             | (1.069.316.511)        | (1.114.531.509)        |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                        | 140   | V.4         | <b>205.892.739.184</b> | <b>71.538.688.810</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                                | 141   |             | 205.892.739.184        | 71.538.688.810         |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho              | 149   |             | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                | 150   |             | <b>1.399.556.927</b>   | <b>10.827.110</b>      |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                  | 151   |             | -                      | -                      |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ                     | 152   |             | 1.388.729.817          | -                      |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước    | 154   |             | 827.110                | 827.110                |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác                       | 158   |             | 10.000.000             | 10.000.000             |

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN                                       | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2010             | 01/01/2010             |
|-----------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                     | 200        |             | <b>132.828.193.873</b> | <b>125.693.675.968</b> |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>          | 210        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                    | 220        |             | <b>132.180.583.096</b> | <b>124.452.253.581</b> |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                   | 221        | V.5         | 107.514.850.314        | 114.548.474.604        |
| - Nguyên giá                                  | 222        |             | 432.661.548.152        | 401.582.672.149        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                      | 223        |             | (325.146.697.838)      | (287.034.197.545)      |
| 2. Tài sản cố định vô hình                    | 227        | V.6         | 9.618.174.777          | 9.903.778.977          |
| - Nguyên giá                                  | 228        |             | 18.536.117.746         | 18.536.117.746         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                      | 229        |             | (8.917.942.969)        | (8.632.338.769)        |
| 3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang            | 230        | V.7         | 15.047.558.005         | -                      |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>               | 240        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b> | 250        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>                | 260        |             | <b>647.610.777</b>     | <b>1.241.422.387</b>   |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                  | 261        | V.8         | 647.610.777            | 1.241.422.387          |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                      | <b>270</b> |             | <b>655.404.420.072</b> | <b>537.336.900.748</b> |

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN                              | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2010             | 01/01/2010             |
|----------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>                  | 300        |             | <b>155.690.487.813</b> | <b>84.242.506.202</b>  |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                  | 310        |             | <b>155.690.487.813</b> | <b>84.242.506.202</b>  |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn                  | 311        | V.9         | 5.900.000.000          | -                      |
| 2. Phải trả người bán                  | 312        |             | 98.922.981.923         | 43.554.727.521         |
| 3. Người mua trả tiền trước            | 313        |             | 4.494.182.959          | 3.839.848.600          |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314        | V.10        | 9.511.014.407          | 7.432.647.408          |
| 5. Phải trả người lao động             | 315        |             | 21.408.776.073         | 16.126.539.072         |
| 6. Chi phí phải trả                    | 316        | V.11        | 2.993.515.756          | 2.187.781.997          |
| 7. Các khoản phải trả, phải nộp khác   | 319        | V.12        | 5.619.302.019          | 5.477.743.545          |
| 8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi         | 323        |             | 6.840.714.676          | 5.623.218.059          |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                  | 330        |             | -                      | -                      |
| <b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>               | 400        |             | <b>499.713.932.259</b> | <b>453.094.394.546</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>               | 410        | V.13        | <b>499.713.932.259</b> | <b>453.094.394.546</b> |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu           | 411        |             | 149.999.980.000        | 149.999.980.000        |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                | 412        |             | 154.777.960.000        | 154.777.960.000        |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển               | 417        |             | 121.903.997.224        | 73.398.072.606         |
| 4. Quỹ dự phòng tài chính              | 418        |             | 11.908.641.769         | 8.238.231.241          |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối   | 420        |             | 61.123.353.266         | 66.680.150.700         |
| <b>II. Nguồn kinh phí</b>              | 430        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>             | <b>440</b> |             | <b>655.404.420.072</b> | <b>537.336.900.748</b> |

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu               | Thuyết minh | 31/12/2010    | 01/01/2010  |
|------------------------|-------------|---------------|-------------|
| 1. Nợ khó đòi đã xử lý |             | 1.037.662.428 | 770.443.718 |
| 2. Ngoại tệ các loại   |             |               |             |
| - USD                  |             | 740.285,58    | 614.268,29  |
| - CHF                  |             | 28.547,30     | 57.094,60   |

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu                                                             | Mã số     | Năm nay                 | Năm trước               |
|----------------------------------------------------------------------|-----------|-------------------------|-------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                    |           |                         |                         |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác          | 01        | 1.416.684.963.898       | 1.168.441.201.290       |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ               | 02        | (1.322.029.128.450)     | (1.022.610.226.464)     |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động                                   | 03        | (80.488.257.688)        | (73.265.028.978)        |
| 4. Tiền chi trả lãi vay                                              | 04        | (191.470.004)           | (174.965.462)           |
| 5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp                           | 05        | (12.576.992.339)        | (14.532.901.986)        |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                             | 06        | 1.693.102.620           | 11.916.983.961          |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                            | 07        | (8.707.576.798)         | (14.366.456.195)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                 | <b>20</b> | <b>(5.615.358.761)</b>  | <b>55.408.606.166</b>   |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                       |           |                         |                         |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác    | 21        | (54.603.495.051)        | (59.689.842.552)        |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22        | 820.745.646             | 100.909.113             |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác              | 23        | (484.161.770.000)       | (523.607.191.000)       |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác      | 24        | 484.519.192.213         | 604.135.319.680         |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                           |           | (22.587.814.216)        |                         |
| 6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia               | 27        | 9.451.492.485           | 8.743.407.543           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                     | <b>30</b> | <b>(66.561.648.923)</b> | <b>29.682.602.784</b>   |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                   |           |                         |                         |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu       | 31        | -                       | -                       |
| 2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được                              | 33        | 34.763.153.951          | 28.150.000.000          |
| 3. Tiền chi trả nợ gốc vay                                           | 34        | (28.863.153.951)        | (28.150.000.000)        |
| 4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                           | 36        | (29.955.777.700)        | (37.459.510.965)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                  | <b>40</b> | <b>(24.055.777.700)</b> | <b>(37.459.510.965)</b> |

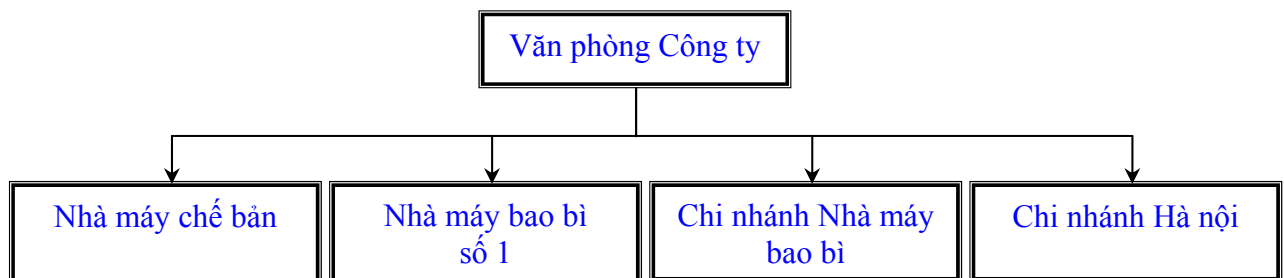
| Chỉ tiêu                                                | Mã số     | Năm nay                 | Năm trước              |
|---------------------------------------------------------|-----------|-------------------------|------------------------|
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>                   | <b>50</b> | <b>(96.232.785.384)</b> | <b>47.631.697.985</b>  |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>                  | <b>60</b> | <b>142.577.162.278</b>  | <b>94.945.464.293</b>  |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61        | (358.908.820)           |                        |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>                 | <b>70</b> | <b>45.985.468.074</b>   | <b>142.577.162.278</b> |

## VIII. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN: không có

## IX. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- ĐHCĐ là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, bầu ra Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
- Tổng Giám đốc bổ nhiệm: Phó Tổng Giám đốc, giám đốc các nhà máy và trưởng các phòng ban khác.
- Công ty thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động và phù hợp với quy định của Luật lao động. Khi chuyển sang Công ty Cổ phần, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ khác của người lao động được Công ty tiếp tục thực hiện.
- Bộ máy tổ chức của Công ty hiện nay bao gồm: Tổng Giám đốc điều hành chung, Phó Tổng Giám đốc phụ trách sản xuất, Khối văn phòng (bao gồm: Phòng Bán, Phòng Tài chính kế toán, Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Mua, Phòng Nghiên cứu phát triển, Phòng Đảm bảo chất lượng, Phòng Điều độ và kho vận và Ngành Cơ điện), Khối sản xuất (bao gồm: Nhà máy chế bản, Nhà máy bao bì số 1, Nhà máy bao bì số 2), và Chi nhánh tại Hà Nội.

### 1. Sơ đồ tổ chức công ty



| STT | Nội dung             | Địa chỉ                                                       | Điện thoại - Fax                   |
|-----|----------------------|---------------------------------------------------------------|------------------------------------|
| 1   | Văn phòng công ty    | 117/2 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hoà, Quận Tân Phú, Tp.HCM | (84-8) 39612279<br>(84-8) 39612641 |
| 2   | Nhà máy chế bản      | 117/2 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hoà, Quận Tân Phú, Tp.HCM | (84-8) 39612279<br>(84-8) 39612641 |
| 3   | Nhà máy bao bì số 1  | 117/2 Lũy Bán Bích, Phường Tân Thới Hoà, Quận Tân Phú, Tp.HCM | (84-8) 39612279<br>(84-8) 39612641 |
| 4   | Nhà máy bao bì số 2  | Khu Công nghiệp Tân Bình                                      | (84-8) 38163050<br>(84-8) 38162661 |
| 5   | Chi nhánh tại Hà Nội | Tổ 28, Phường Thượng Thanh, Q.Long Biên, Hà Nội               | (84-4) 38771620<br>(84-4) 38771620 |

## **2. Chức năng nhiệm vụ các phòng ban.**

- Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và được thông qua hàng năm tại Đại hội cổ đông thường niên, là người tổ chức điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo định hướng và kế hoạch đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tổng Giám đốc có nhiệm kỳ cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.
- Phòng Bán: chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng và triển khai chiến lược tiếp thị sản phẩm, bao gồm định hướng sản phẩm, đối tượng khách hàng, giá cả và chế độ khuyến mãi. Kiểm soát chiến lược bán hàng, theo dõi tiến độ thực hiện hợp đồng và hậu mãi...
- Phòng Tài chính kế toán chịu: trách nhiệm thiết lập, triển khai và kiểm soát chính sách, hệ thống quy trình kế toán tài chính theo đúng quy định của Nhà nước. Thực hiện công tác quản trị tài chính tại Công ty, xem xét và đề xuất các giải pháp với Ban Tổng Giám đốc trong việc kiểm soát chi phí.
- Phòng Tổ chức hành chính: chịu trách nhiệm xây dựng và triển khai chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho toàn Công ty; xây dựng quy trình tuyển dụng; xây dựng và kiểm soát thực thi Nội quy lao động, thỏa ước lao động tập thể; giải quyết các tranh chấp về lao động và xây dựng các chương trình huấn luyện và đào tạo... Chịu trách nhiệm trong việc xây dựng, triển khai và giám sát thực hiện công việc về hành chính, y tế, an ninh... Thiết lập và duy trì tốt mối quan hệ với các cơ quan chức năng. Tổ chức thực hiện an toàn lao động và vệ sinh thực phẩm;
- Phòng đảm bảo chất lượng (QA): chịu trách nhiệm quản lý và duy trì hệ thống chất lượng ISO 9001: 2000 toàn Công ty. Chịu trách nhiệm kiểm tra và đảm bảo về chất lượng từ nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm đầu ra, tổ chức giải quyết khiếu nại của khách hàng; tổ chức và giám sát việc thực thi các tiêu chuẩn về vệ sinh môi trường, chất thải.
- Phòng Mua: Triển khai và kiểm soát hoạt động mua hàng, nhập khẩu nguyên vật liệu, phụ liệu, máy móc thiết bị... với mục tiêu bảo đảm nguồn nguyên vật liệu, phụ liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất
- Phòng R&D: Kiểm soát hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, cải tiến công nghệ hiện tại; đề xuất và giám sát thực hiện kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị và nhà xưởng với mục tiêu nâng cao chất lượng sản phẩm hiện tại; phát triển sản phẩm mới và hoàn tất các kế hoạch đầu tư của Công ty. Tổ chức xây dựng định mức sản xuất, xây dựng và giám sát việc áp dụng chính sách, tiêu chuẩn, quy trình về kỹ thuật công nghệ như: lưu trữ mẫu, định mức sản xuất, tiêu chuẩn kỹ thuật công nghệ; hỗ trợ đào tạo về công nghệ cho công nhân trực tiếp sản xuất.
- Ngành Cơ điện: chịu trách nhiệm lập kế hoạch, triển khai và kiểm soát quy trình sửa chữa và bảo quản máy móc thiết bị, đánh giá yếu tố kỹ thuật của các máy móc thiết bị chuẩn bị mua, đề xuất các quy định về ATLD-PCCN.

- Phòng Điều độ và kho vận: Lập kế hoạch sản xuất cho các nhà máy bao bì; Lập yêu cầu nguyên vật liệu, phụ liệu; Lập kế hoạch và kiểm soát việc gia công sản xuất màng ghép; điều phối hàng hoá, nguyên vật liệu giữa các kho với mục tiêu đảm bảo kế hoạch giao hàng, cung cấp đủ NVL cho sản xuất và hiệu quả sử dụng nguyên vật liệu
- Nhà máy chế bản: giao dịch trực tiếp với khách hàng, chịu trách nhiệm tổ chức triển khai và kiểm soát công tác thiết kế mẫu cho khách hàng, đảm bảo mẫu thiết kế đúng tiêu chuẩn để tạo ra những sản phẩm đúng chất lượng và quy cách theo yêu cầu của khách hàng.
- Nhà máy bao bì số 1, số 2: chịu trách nhiệm chính trong việc sản xuất ra sản phẩm bao bì để cung cấp cho khách hàng.
- Chi nhánh tại Hà Nội: cũng là nơi sản xuất bao bì như hai nhà máy bao bì số 1 và số 2, đồng thời là nơi trung chuyển hàng hoá để cung cấp cho các khách hàng của Công ty tại khu vực phía Bắc.

**3. *Tổng số lao động của Công ty đến cuối năm 2010 là 1045 người.***

***Trong đó:***

- Trình độ đại học và cao đẳng là: 142 người chiếm 13,59%
- Trung cấp, công nhân kỹ thuật : 560 người chiếm 53,59%
- Dưới trung cấp là : 343 người chiếm 32,82%.

**X. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**1. Hội đồng quản trị và ban kiểm soát**

HĐQT có 05 thành viên, mỗi thành viên có nhiệm kỳ 05 năm, các thành viên trong HĐQT đều là cổ đông và là CB.CNV của Công ty, trong đó có 02 thành viên thuộc ban giám đốc, 01 kế toán trưởng, 01 là Trưởng phòng ĐĐ và KV và 01 là Giám đốc nhà máy.

Ban kiểm soát có 03 thành viên: mỗi thành viên có nhiệm kỳ 05 năm, các thành viên trong HĐQT đều là cổ đông và là CB.CNV của Công ty. Ban Kiểm soát Công ty có 01 thành viên có chuyên môn về tài chính - kế toán.

Trong năm qua các thành viên HĐQT và BKS đã hoàn thành trách nhiệm và công việc của mình, không có mâu thuẫn về quyền lợi, xung đột lợi ích với Công ty

Thù lao và thưởng cho các thành viên HĐQT và BKS được thực hiện theo đúng điều lệ Công ty quy định và nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2010 thông qua.

➤ **Chủ tịch HĐQT- Ông Lê Minh Cường**

Họ và tên : Lê Minh Cường  
Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 06/07/1960  
Nơi sinh : Hà Nội  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Quê quán : Quảng Nam  
Địa chỉ thường trú : 574/41 Nguyễn Kiệm, Q. Phú Nhuận, Tp.HCM  
ĐT liên lạc ở cơ quan : (84-8) 39612279  
Trình độ văn hóa : 10/10  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 03/1984 : Nhân viên phòng TCKT Công ty XD KV2, Bộ Vật tư
- Từ 7/1985 – 12/1987 : Nhân viên Ban Tài vụ Sư đoàn 367, QC Phòng không
- Từ 12/1987 – 4/2001 : Nhân viên Phòng TCKT, Kế toán trưởng Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến
- Từ 4/2001 – 7/2003 : Phó Giám đốc Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến
- 08/2003 – 12/2004 : Giám đốc Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến
- 01/01/2005 – nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến

Chức vụ công tác hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến

Số cổ phần nắm giữ: 177.429 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

➤ **Thành viên HĐQT - Ông Bùi Quang Thịnh**

Họ và tên : Bùi Quang Thịnh  
Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 04/11/1957  
Nơi sinh : Tp.HCM  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Quê quán : Thừa Thiên Huế  
Địa chỉ thường trú : 28/14 Phan Đình Giót, Q. Tân Bình, Tp. HCM  
ĐT liên lạc ở cơ quan : (84-8) 39612279  
Trình độ văn hóa : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân hoá lý

**Quá trình công tác:**

- Từ 1976 - 1993: Công tác tại Nhà máy Nhựa Tân Tiến nay là Công ty cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến với các chức vụ như sau : Công nhân trực tiếp sản xuất, Tổ trưởng sản xuất, Trưởng phòng kỹ thuật.
- Từ 1993 - 2004: Phó Giám đốc Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến
- Từ 01/01/2005 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến

Số cổ phần nắm giữ: 64.549 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

➤ **Thành viên HĐQT - Bà Đoàn Thu Nhân**

Họ và tên : Đoàn Thu Nhân  
Giới tính : Nữ  
Ngày tháng năm sinh : 06/06/1963  
Nơi sinh : Hà Nội  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Quê quán : Quảng Trị  
Địa chỉ thường trú : K1-K5 Bửu Long –F15-Q10 – Tp. HCM  
ĐT liên lạc ở cơ quan : (84-8) 39612279  
Trình độ văn hóa : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính kế toán  
Quá trình công tác :  
– Đến 2004 : Kế toán trưởng Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến  
– Từ 01/2005 – nay : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến  
Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến  
Số cổ phần nắm giữ : 104.863 cổ phần  
Hành vi vi phạm pháp luật : Không  
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

➤ **Thành viên HĐQT - Bà Lê Thị Ngọc Trâm**

Họ và tên : Lê Thị Ngọc Trâm  
Giới tính : Nữ  
Ngày tháng năm sinh : 09/06/1964  
Nơi sinh : Hà Nội  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Quê quán : Bắc Ninh  
Địa chỉ thường trú : 120/4 Trần Huy Liệu, P. 15, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM  
ĐT liên lạc ở cơ quan : (84-8) 39612279  
Trình độ văn hóa : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư hoá Polymer  
Quá trình công tác:  
– Từ 1987 – 1990 : Kỹ sư Phòng Kỹ thuật Liên hiệp các xí nghiệp in Tp.HCM  
– Từ 1990 – 1996 : Phó Phòng Kỹ thuật Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến  
– Từ 1997 – 1998 : Phó Ban Tiếp thị Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến  
– Từ 1998 – 2000 : Phó Quản đốc PX Trục in Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến  
– Từ 2000 – nay : Giám đốc Nhà máy Bao bì số 2 Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến. Nay là Công ty cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến  
Chức vụ công tác hiện nay : Thành viên HĐQT - Giám đốc Nhà máy Bao bì số 2 Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến  
Số cổ phần nắm giữ: 100.535 cổ phần  
Hành vi vi phạm pháp luật : Không  
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

➤ **Thành viên HĐQT - Bà Nguyễn Thị Hữu Thủy**

Họ và tên : Nguyễn Thị Hữu Thủy  
Giới tính : Nữ  
Ngày tháng năm sinh : 25/03/1964  
Nơi sinh : Thanh Hoá  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Quê quán : Sài Gòn  
Địa chỉ thường trú : 33/19/5 Lý Thường Kiệt, P. 6, Q. Tân Bình, Tp. HCM  
ĐT liên lạc ở cơ quan : (84-8) 39612279  
Trình độ văn hóa : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

**Quá trình công tác:**

- Từ 1982 - 1987: Sinh viên Đại học Tổng hợp Tp.HCM
- Từ 1998 – 1996: Nhân viên Nhà máy Nhựa Tân Tiến
- Từ 1997- 2004 : Phó phòng Kinh doanh Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến
- Từ 01/2005 - 2007: Phó phòng Kinh doanh Công ty cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến
- Từ 01/2005 - 2007: Phó phòng Điều độ và kho vận Công ty cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT – Trưởng phòng Điều độ và kho vận Công ty cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến

Số cổ phần nắm giữ: 100.535 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

➤ **Trưởng Ban Kiểm soát - Ông Chế Anh Tuấn**

Họ và tên : Chế Anh Tuấn  
Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 19/09/1960  
Nơi sinh : Nghệ An  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Quê quán : Nghệ An  
Địa chỉ thường trú : 305/31/17A Lê Văn Sỹ, Q. Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh  
ĐT liên lạc ở cơ quan : (84-8) 39612279  
Trình độ văn hóa : 10/10  
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Điện  
Quá trình công tác:  
– Từ 1980 - 1987: Quân đội Nhân dân Việt Nam - Sỹ quan chỉ huy kỹ thuật tên lửa  
– Từ 1987 - nay: Công tác tại Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến, nay là Công ty cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến  
Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng BKS – Phó Giám đốc Nhà máy Bao bì số 1 Công ty Cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến  
Số cổ phần nắm giữ: 32.082 cổ phần  
Hành vi vi phạm pháp luật : Không  
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

➤ **Thành viên Ban kiểm soát - Ông Huỳnh Thanh Kháng**

Họ và tên : Huỳnh Thanh Kháng  
Giới tính : Nam  
Ngày tháng năm sinh : 02/11/1967  
Nơi sinh : Qui Nhơn – Bình Định  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Quê quán : Qui Nhơn – Bình Định  
Địa chỉ thường trú : 98/3 Trần Quang Cơ, P. Phú Thạnh, Q. Tân Phú, Tp. HCM  
ĐT liên lạc ở cơ quan : (84-8) 39612279  
Trình độ văn hóa : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Điện  
Quá trình công tác:  
– Từ 1991 - 2005: Nhân viên sửa chữa điện, Tổ trưởng bao bì tại Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến. Nay là Công ty cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến  
– Từ 2006 - nay: Trưởng Ngành Cơ điện Công ty cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến  
Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên BKS – Trưởng Ngành Cơ điện Công ty cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến  
Số cổ phần nắm giữ: 32.930 cổ phần  
Hành vi vi phạm pháp luật: Không  
Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

➤ **Thành viên Ban kiểm soát - Bà Trương Thị Thanh Huyền**

Họ và tên : Trương Thị Thanh Huyền  
Giới tính : Nữ  
Ngày tháng năm sinh : 17/07/1974  
Nơi sinh : Hải Phòng  
Quốc tịch : Việt Nam  
Dân tộc : Kinh  
Quê quán : Quảng Trị  
Địa chỉ thường trú : 8/9 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh  
ĐT liên lạc ở cơ quan : (84-8) 39613690  
Trình độ văn hóa : 12/12  
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế ngành Tài chính kế toán

**Quá trình công tác:**

- Từ 9/1996 – 12/1996: Nhân viên kế toán tại Phòng Đại diện Bảo hiểm Khu vực 6 Công ty Bảo Hiểm Tp.HCM
- Từ 01/1997 – 04/2001: Nhân viên Phòng Kinh doanh Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến
- Từ 05/2001 – 04/2008: Nhân viên Phòng TCKT Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến. Nay là Công ty cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến
- Từ 04/2008 Nhân viên Phòng TCHC Công ty Bao bì Nhựa Tân Tiến. Nay là Công ty cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến

**Chức vụ công tác hiện nay:** Thành viên BKS - Phó Phòng TCHC Công ty cổ phần Bao bì Nhựa Tân Tiến

**Số cổ phần nắm giữ** : 32.163 cổ phần

**Hành vi vi phạm pháp luật** : Không

**Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty** : Không

## 2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông

Theo danh sách người sở hữu chứng khoán ngày 10/03/2010 do Trung tâm GDCK Hồ Chí Minh cung cấp, số lượng và cơ cấu vốn cổ đông của Công ty như sau:

| Cơ cấu cổ đông         | Số lượng | Số CP nắm giữ     | Tỷ lệ          |
|------------------------|----------|-------------------|----------------|
| <b>Tổng số</b>         |          | <b>14.999.998</b> | <b>100,00%</b> |
| • <b>Đã lưu ký</b>     |          |                   | <b>98,60%</b>  |
| <u><b>Trong đó</b></u> |          |                   |                |
| ➢ Cá nhân trong nước   | 878      | 3.234.379         | 21,56%         |
| ➢ Tổ chức trong nước   | 27       | 6.258.472         | 41,73%         |
| ➢ Cá nhân nước ngoài   | 68       | 106.041           | 0,71%          |
| ➢ Tổ chức nước ngoài   | 24       | 5.190.162         | 31,60%         |
| • <b>Chưa lưu ký</b>   |          | <b>210.944</b>    | <b>1,40%</b>   |
| <u><b>Trong đó</b></u> |          |                   |                |
| ➢ Cá nhân trong nước   | 56       | 126.244           | 0,84%          |
| ➢ Tổ chức trong nước   | 2        | 84.700            | 0,56%          |

Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 39,77%.

Cổ đông sở hữu từ 1% - 5% cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 35,76%

Cổ đông sở hữu từ dưới 1% cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 24,47%

Tp. HCM, ngày 14 tháng 03 năm 2011  
CHỦ TỊCH HĐQT

LÊ MINH CƯỜNG